

Số: 0602/2026/CBTT-CTP
No.: 0602/2026/CBTT-CTP

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026
Hanoi, day 06 month 02 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG /
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission (SSC)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)/ Hanoi Stock Exchange (HNX)

1. Tên Công ty/ *Name of organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group/ CTP Group Corporation
2. Mã chứng khoán/*Stock code*: CTP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội/ 8th Floor, Simco Song Da Building, Van Phuc New Urban Area, Ha Dong Ward, Hanoi City
4. Điện thoại/ Tel: 0973 760 515
5. Nội dung công bố thông tin/ Contents of Information Disclosure:

Ngày 06/02/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp / On 06 February 2026, CTP Group Joint Stock Company received the Confirmation regarding changes to its Enterprise Registration contents.

6. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty kể từ ngày 06/02/2026 theo đường dẫn: <https://takaractp.com/category/quan-he-co-dong/>

This information is disclosed simultaneously on the Company's website as from 06 February 2026 at the following link: <https://takaractp.com/category/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. / We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.

Trân trọng cảm ơn./ / Best Regard



Tài liệu đính

kèm/Attached documents:

Giấy xác nhận về việc thay
đổi nội dung đăng ký
doanh nghiệp/

*Confirmation of Changes
to the Contents of
Enterprise Registration*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

TỔNG GIÁM ĐỐC/ CEO



DƯƠNG VĂN TỊNH



Số:



GIẤY XÁC NHẬN
Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội
Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:
Thư điện tử: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn
Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP
Mã số doanh nghiệp: 3200474316

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm; Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
2	Trồng cây cao su	0125
3	Trồng cây cà phê	0126(Chính)
4	Trồng cây lâu năm khác	0129
5	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ	1610
6	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ rượu, bia, nước giải khát	4633
7	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm bằng nhựa; sản xuất khẩu trang y tế, khẩu trang các loại; sản xuất các sản phẩm bằng gỗ	3290

STT	Tên ngành	Mã ngành
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy móc, thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc thiết bị phòng thí nghiệm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu	4659
9	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt	0150
10	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).	4620
11	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (không hoạt động tại trụ sở).	4634
12	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	4632
14	Chăn nuôi gia cầm	0146
15	Chăn nuôi khác	0149
16	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
18	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
20	Cho thuê xe có động cơ	7710
21	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở).	8533
23	Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở).	8541
24	Đào tạo sơ cấp (không hoạt động tại trụ sở).	8531
25	Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở).	8542
26	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở).	8532
27	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	5630
28	Điều hành tua du lịch	7912
29	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2592

STT	Tên ngành	Mã ngành
30	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Đào tạo tự vệ; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính	8559
31	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở).	8512
32	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở).	8511
33	Giáo dục thể thao và giải trí (trừ hoạt động của các sàn nhảy)	8551
34	Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở).	8521
35	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở).	8522
36	Giáo dục trung học phổ thông (không hoạt động tại trụ sở).	8523
37	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (không hoạt động tại trụ sở).	8552
38	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
40	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
41	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
42	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
44	Khai thác gỗ	0220
45	Khai thác thủy sản biển	0311
46	Khai thác thủy sản nội địa	0312
47	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
48	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
49	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chống sét (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321

STT	Tên ngành	Mã ngành
50	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3320
51	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở).	5610
52	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở).	0321
53	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).	0322
54	Phá dỡ	4311
55	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại	7310
56	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở).	2012
57	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít (không hoạt động tại trụ sở).	2022
58	Trồng cây ăn quả	0121
59	Trồng cây chè	0127
60	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
61	Trồng cây điều	0123
62	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
63	Trồng cây hàng năm khác	0119
64	Trồng cây hồ tiêu	0124
65	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở).	0113
66	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
67	Trồng cây lấy sợi	0116
68	Trồng cây mía	0114
69	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
70	Trồng lúa	0111
71	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
72	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).	0118
73	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
74	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
75	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
76	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
77	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
78	Xây dựng công trình công ích khác	4229

STT	Tên ngành	Mã ngành
79	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị Định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
80	Xây dựng công trình đường bộ	4212
81	Xây dựng công trình đường sắt	4211
82	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
83	Xây dựng nhà không để ở	4102
84	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
85	Xây dựng nhà để ở	4101
86	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
87	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).	5224
88	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa (không hoạt động tại trụ sở).	1050
89	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
90	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở).	1010
91	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
92	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
93	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở).	1101
94	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
95	Dịch vụ ăn uống khác	5629
96	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
97	Dịch vụ liên quan đến in	1812
98	Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở).	3011
99	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí (không hoạt động tại trụ sở).	3012
100	Đúc kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở).	2432
101	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở).	2431
102	Hoàn thiện sản phẩm dệt (không hoạt động tại trụ sở).	1313
103	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
104	In ấn	1811
105	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	0810

STT	Tên ngành	Mã ngành
106	Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở).	0610
107	Khai thác muối (không hoạt động tại trụ sở).	0893
108	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở).	0730
109	Khai thác quặng sắt (không hoạt động tại trụ sở).	0710
110	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (không hoạt động tại trụ sở).	0721
111	Khai thác và thu gom than bùn (không hoạt động tại trụ sở).	0892
112	Khai thác và thu gom than cứng (không hoạt động tại trụ sở).	0510
113	Khai thác và thu gom than non (không hoạt động tại trụ sở).	0520
114	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở).	3600
115	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).	5210
116	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
117	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
118	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
119	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
120	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
121	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2591
122	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1623
123	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).	2395
124	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động (không hoạt động tại trụ sở).	2814
125	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở).	1701
126	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở).	1073
127	Sản xuất cà phê (không hoạt động tại trụ sở).	1077

STT	Tên ngành	Mã ngành
128	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
129	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở).	1071
130	Sản xuất các loại dây bện và lưới (không hoạt động tại trụ sở).	1394
131	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1399
132	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1709
133	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở).	2816
134	Sản xuất chè (không hoạt động tại trụ sở).	1076
135	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không hoạt động tại trụ sở).	2593
136	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở).	1040
137	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học (không hoạt động tại trụ sở).	2731
138	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (không hoạt động tại trụ sở).	2732
139	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở).	3240
140	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở).	2750
141	Sản xuất đồ gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	1622
142	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (không hoạt động tại trụ sở).	2811
143	Sản xuất đồng hồ (không hoạt động tại trụ sở).	2652
144	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén (không hoạt động tại trụ sở).	2818
145	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (không hoạt động tại trụ sở).	3230
146	Sản xuất đường (không hoạt động tại trụ sở).	1072
147	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở).	1702
148	Sản xuất giày, dép (không hoạt động tại trụ sở).	1520

STT	Tên ngành	Mã ngành
149	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
150	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở).	1392
151	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở).	2420
152	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (không hoạt động tại trụ sở).	2815
153	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (không hoạt động tại trụ sở).	2813
154	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (không hoạt động tại trụ sở).	2825
155	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da (không hoạt động tại trụ sở).	2826
156	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không hoạt động tại trụ sở).	2829
157	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2822
158	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2824
159	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).	2821
160	Sản xuất máy thông dụng khác (không hoạt động tại trụ sở).	2819
161	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4662
162	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4663
163	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (không hoạt động tại trụ sở).	1074
164	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại trụ sở).	2710
165	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4782
166	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4783
167	Sản xuất mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở).	3091
168	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4679

STT	Tên ngành	Mã ngành
169	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).	1075
170	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7499
171	Sản xuất nhạc cụ (không hoạt động tại trụ sở).	3220
172	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nhà nước cấm)	4740
173	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
174	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở).	2513
175	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở).	2910
176	Khai thác, thu nhặt lâm sản từ gỗ	0230
177	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở).	2930
178	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm - Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0130
179	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	9510
180	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	3099
181	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4781
182	Sản xuất pin và ắc quy (không hoạt động tại trụ sở).	2720
183	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở).	2013
184	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (trừ loại nhà nước cấm)	4763
185	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
186	Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở).	1102
187	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su (không hoạt động tại trụ sở).	2211
188	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
189	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (không hoạt động tại trụ sở).	2391

STT	Tên ngành	Mã ngành
190	Lập trình máy tính khác	6219
191	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
192	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở).	4631
193	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng (không hoạt động tại trụ sở).	2640
194	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4672
195	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở).	2393
196	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
197	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
198	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn: xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim	4673
199	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
200	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
201	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	2599
202	Dịch vụ cảnh quan	8130
203	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3101
204	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
205	Sản xuất sản phẩm thuốc lá (không hoạt động tại trụ sở).	1200
206	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7020
207	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619
208	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục và tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng)	1410
209	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	2399
210	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
211	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3313
212	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310

STT	Tên ngành	Mã ngành
213	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không hoạt động tại trụ sở).	1420
214	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4671
215	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
216	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở).	2220
217	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
218	Bán lẻ thực phẩm (trừ nhà nước cấm) Chi tiết: Bán lẻ rau, quả	4722
219	Bán lẻ lương thực (trừ nhà nước cấm)	4721
220	Bán lẻ đồ uống	4723
221	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ nhà nước cấm)	4762
222	Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở).	2410
223	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
224	Sản xuất sợi (không hoạt động tại trụ sở).	1311
225	Sản xuất bia (không hoạt động tại trụ sở).	1103
226	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành)	4761
227	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751
228	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (không hoạt động tại trụ sở).	4724
229	Sản xuất thảm, chăn, đệm (không hoạt động tại trụ sở).	1393
230	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
231	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc (không hoạt động tại trụ sở).	2920
232	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
233	Hoạt động hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5912

STT	Tên ngành	Mã ngành
234	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (không hoạt động tại trụ sở).	2733
235	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không hoạt động tại trụ sở).	2740
236	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động phát sản xuất chương trình truyền hình (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5913
237	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (không hoạt động tại trụ sở).	3511
238	Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở).	2790
239	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở).	2651
240	Sản xuất mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở).	1104
241	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (không hoạt động tại trụ sở).	2812
242	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim (không hoạt động tại trụ sở).	2823
243	Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở).	2630
244	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính) (không hoạt động tại trụ sở).	2817
245	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở).	3250
246	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính (không hoạt động tại trụ sở).	2620
247	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở).	2023
248	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1080
249	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1079
250	Sản xuất trang phục đan móc (không hoạt động tại trụ sở).	1430
251	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2512
252	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở).	3311

STT	Tên ngành	Mã ngành
253	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh (không hoạt động tại trụ sở).	2310
254	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không hoạt động tại trụ sở).	3312
255	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở).	3319
256	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không hoạt động tại trụ sở).	1062
257	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không hoạt động tại trụ sở).	3315
258	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không hoạt động tại trụ sở).	1391
259	Sản xuất vải dệt thoi (không hoạt động tại trụ sở).	1312
260	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	2392
261	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (không hoạt động tại trụ sở).	3092
262	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).	2394
263	Sao chép bản ghi các loại	1820
264	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).	3830
265	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở).	3700
266	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3812
267	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3811
268	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
269	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
270	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
271	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
272	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
273	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
274	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
275	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
276	Xay sát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở).	1061

STT	Tên ngành	Mã ngành
277	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở).	3900
278	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý ký gửi phân bón	4610
279	Hoạt động cho thuê tài chính Chi tiết: Cho thuê kho hàng, nhà xưởng	6491
280	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp	4653
281	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3822
282	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3821
283	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở).	1629
284	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): DƯƠNG VĂN TỊNH Điện thoại: 0973.760.515
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: PHÙNG THỊ ĐÀO Điện thoại: 0986954037
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Tầng 8, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: <i>10</i>
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP
GROUP. Địa chỉ:Tầng 8, Tòa nhà Simco
Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc,
Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Minh Tùng.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Quang Hưng